

VẬN DỤNG TÌNH HUỐNG CÓ VẤN ĐỀ TRONG DẠY HỌC MÔN TÂM LÝ HỌC - GIÁO DỤC HỌC

Bùi Hữu Mô*

Tóm tắt

Bản chất của tình huống có vấn đề trong dạy học là giáo viên đưa học sinh vào tình huống có vấn đề và mở ra cho các em những con đường giải quyết tình huống đó. Trong chương trình đào tạo của các trường sư phạm, Tâm lý học, Giáo dục học là những bộ môn mang tính nghiệp vụ đặc trưng có vai trò đặc biệt trong việc đào tạo giáo viên. Bài viết cung cấp một cách nhìn tổng quan về tình huống có vấn đề trong dạy học và vận dụng tình huống có vấn đề trong dạy học môn Tâm lý học – Giáo dục học để góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả việc đào tạo đội ngũ giáo viên tương lai.

Từ khóa: *tình huống có vấn đề, tâm lý học, giáo dục học.*

Trong dạy học giáo viên xây dựng được tình huống có vấn đề, đưa học sinh vào tình huống có vấn đề và hướng dẫn học sinh giải quyết tình huống có ý nghĩa quan trọng. Nó tạo nên năng lực giải quyết vấn đề ở người học, năng lực này có vị trí hàng đầu để con người thích ứng với sự phát triển của xã hội và là chìa khoá của sự thành công. Xây dựng tình huống có vấn đề trong dạy học không những giúp các em không những nắm vững tri thức mà còn làm cho giờ học sôi động, hứng thú, hấp dẫn. Dạy học giải quyết vấn đề là dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học. Đây là phương pháp dạy học được sử dụng nhiều trong thời đại ngày nay.

1. Tình huống có vấn đề

Tình huống có vấn đề trong dạy học là trạng thái tâm lý đặc biệt của học sinh khi họ gặp mâu thuẫn khách quan của bài toán nhận thức giữa cái đã biết và cái phải tìm, tự họ chấp nhận và có nhu cầu, có khả năng giải quyết mâu thuẫn đó bằng tìm tòi, sáng tạo, kết quả họ nắm được cả kiến thức và phương pháp.

Tình huống có vấn đề chỉ xuất hiện và tồn tại trong ý thức học sinh chừng nào đang diễn ra sự chuyển hóa của mâu thuẫn khách quan bên ngoài của bài toán nhận thức thành mâu thuẫn chủ quan bên trong của học sinh. Yếu tố chủ yếu của tình huống có vấn đề là điều chưa biết, là điều phải được khám phá ra để hoàn thành đúng nhiệm vụ đặt ra. Điều chưa biết trong tình huống có vấn đề luôn được đặc trưng bởi sự khái quát hóa ở mức độ nhất định, tuy nhiên, điều chưa biết đó không được khó quá hoặc dễ quá đối với học sinh.

Như vậy, có thể nêu ra ba yếu tố sau đây của một tình huống có vấn đề, đó cũng là ba điều kiện của một tình huống có vấn đề trong dạy học:

- Có mâu thuẫn nhận thức, có điều chưa biết cần tìm.
- Gây ra nhu cầu muốn biết kiến thức mới.
- Phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh.

2. Các loại tình huống có vấn đề

Theo V. Okôn [5], tình huống có vấn đề được chia ra nhiều loại:

- **Tình huống nghịch lý:** Đó là tình huống vấn đề mới thoát nhìn dường như vô lý, không phù hợp với quy luật, lý thuyết đã

* ThS, Trường Đại học Phú Yên

được thừa nhận chung.

Các nhà khoa học đã có những phát minh lớn chính là nhờ bắt gặp những sự kiện, hiện tượng khoa học trái với lí thuyết, qui luật đương thời, nhờ giải quyết những nghịch lí đó mà tạo nên những lí thuyết mới bao quát hơn.

Đối với học sinh tình huống nghịch lí được tạo ra bằng cách giới thiệu những sự kiện, hiện tượng trái với quan điểm thông thường, với kinh nghiệm cá nhân của học sinh. Cách giải quyết ở đây là phân tích chỗ sai, chỗ chưa chính xác trong cách hiểu vấn đề từ đó tìm ra cách hiểu phù hợp với khoa học.

Ví dụ: Bàn về ảnh hưởng của môi trường – hoàn cảnh đến sự phát triển nhân cách, có quan điểm cho rằng “*Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng*”, nhưng lại có quan niệm “*Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*”. Vậy mức độ ảnh hưởng của môi trường đến sự phát triển nhân cách như thế nào hoặc một người có thể vừa là mình, vừa là người khác được không?

- **Tình huống lựa chọn:** Đó là tình huống xuất hiện khi đứng trước một lựa chọn giữa hai hay nhiều phương án giải quyết. Phương án nào cũng có lí do riêng của nó nhưng đồng thời cũng chứa đựng nhược điểm cơ bản của nó, song chỉ được lựa chọn một phương án duy nhất mà bản thân cho là hợp lí nhất, đúng nhất trên cơ sở phân tích các phương án đưa ra. Đây chính là “test” trả lời lựa chọn.

Ví dụ: Khi giảng bài “Tri giác” giảng viên cho sinh viên lựa chọn để trả lời câu hỏi: Câu nào dưới đây chứa đựng bản chất nổi bật của tri giác.

- Nguồn khởi đầu của mọi sự hiểu biết về thế giới xung quanh.

- Sự phản ánh các thuộc tính riêng lẻ của sự vật, hiện tượng.

- Sự phản ánh các qui luật của tự nhiên

và xã hội.

- Sự phản ánh trọn vẹn các thuộc tính của sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan.

- **Tình huống bác bỏ:** Đó là tình huống có vấn đề phải bác bỏ một kết luận, một luận đề sai lầm. Để làm được điều đó học sinh phải tìm ra điểm yếu của kết luận, luận đề và chứng minh tính chất sai lầm của nó.

Ví dụ: Người ta cho rằng “*Giáo dục là vạn năng*”, học sinh phải đưa ra điểm chưa đúng của luận đề này và chứng minh nó.

- **Tình huống tại sao:** Là tình huống phổ biến trong dạy học. Đó là tình huống có vấn đề khi người ta gặp phải những hiện tượng, sự kiện mà con người chưa đủ tri thức để giải quyết hiện tượng đó, và con người luôn thốt ra câu hỏi “tại sao”.

Ví dụ: Khi chưa học bài cảm giác, tri giác, tư duy, tình cảm. Sinh viên không trả lời được các câu hỏi:

- Tại sao khi chấm bài giáo viên lại dùng mực đỏ? (Bài tri giác)

- Tại sao dễ chết đuối (Bài tri giác – quy luật về ước lượng khoảng cách)

- Tại sao tư duy trừu tượng chỉ có ở con người? (Bài tư duy)

- Tại sao giáo viên hay gọi những học sinh nhút nhát lên bảng? (Bài khí chất)...

3. Quá trình đặt vấn đề và cách giải quyết vấn đề

3.1. Quá trình đặt vấn đề trong dạy học

Quá trình đặt vấn đề học tập là quá trình giáo viên đưa ra nhiệm vụ nhận thức, đưa ra điều phải nghiên cứu để học sinh nhận thức và giải quyết, quá trình đặt vấn đề được chia làm các giai đoạn:

- Phân tích tình huống có vấn đề
- Nhận thức được vấn đề đưa ra.
- Ý thức được khó khăn của vấn đề.
- Biểu đạt bằng lời về vấn đề.

3.2. Những cách thức tạo tình huống có vấn đề

Để tạo nên tình huống có vấn đề trong dạy học người ta sử dụng nhiều cách:

- Thứ nhất, đặt câu hỏi tại sao cho học sinh khi gặp những sự kiện, hiện tượng đòi hỏi phải giải thích về mặt lí luận.

- Thứ hai, để cho học sinh phân tích những sự kiện, hiện tượng, làm cho họ gặp phải mâu thuẫn giữa biểu tượng đời sống và khái niệm khoa học về những sự kiện đó.

- Tạo ra tình huống có vấn đề bằng cách đề ra giả thuyết và tổ chức nghiên cứu.

- Kích thích học sinh khái quát sơ bộ những sự kiện mới để tạo nên tình huống có vấn đề.

- Tạo ra tình huống có vấn đề bằng cách đề ra cho học sinh bài tập có tính chất nghiên cứu.

3.3. Cách giải quyết vấn đề

Quá trình giải quyết vấn đề được chia thành những giai đoạn chuyên biệt và thực hiện các bước của hoạt động học:

- Sự xuất hiện của vấn đề là kích thích đầu tiên thúc đẩy chủ thể giải quyết vấn đề.

- Chủ thể nhận thức sâu sắc và chấp nhận vấn đề giải quyết.

- Tìm kiếm lời giải cho vấn đề đã được chấp nhận giải quyết, lí giải, chứng minh và kiểm tra vấn đề đó.

- Tìm được kết quả cuối cùng và đánh giá toàn diện kết quả tìm được.

Dưới sự tổ chức hướng dẫn, điều khiển của giáo viên, học sinh thực hiện các hành động học để giải quyết vấn đề đưa ra:

Bước 1: Giáo viên đưa ra cho học sinh vấn đề, thường là tình huống có vấn đề và yêu cầu giải đáp.

Có 2 mức độ: Giáo viên trực tiếp chỉ ra vấn đề hoặc để học sinh sau khi tìm kiếm đã tự phát hiện ra vấn đề, ở mức độ này chúng ta đánh giá khả năng của học sinh để định hướng giúp đỡ.

Bước 2: Hướng dẫn học sinh tìm kiếm chiến lược giải quyết vấn đề.

Bước 3: Theo dõi và giúp đỡ gợi ý cho học sinh giải quyết.

Bước 4: Kiểm tra sự học tập của học sinh bằng cách yêu cầu học sinh trình bày đầy đủ việc giải quyết vấn đề, học sinh phát biểu ý kiến và đi đến kết luận.

Chẳng hạn khi dạy bài “*Giáo dục và sự phát triển nhân cách*”, giảng viên đưa ra và phân tích tình huống có vấn đề: Nói về vai trò của môi trường đối với sự hình thành và phát triển nhân cách ông cha ta đã đưa ra hai quan điểm trái ngược nhau: quan điểm thứ nhất cho rằng “*Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng*” (tục ngữ); quan điểm thứ hai lại cho rằng “*Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*”. Bạn có nhận xét gì và đồng ý với quan điểm nào trong hai quan điểm trên? Tại sao?. Từ đó, chỉ rõ vai trò của môi trường đối với sự hình thành và phát triển nhân cách. Các câu hỏi vừa nêu ra sinh viên đã suy nghĩ và tranh luận rất sôi nổi. Sinh viên lưỡng lự không biết chọn quan điểm nào. Vì thấy quan điểm nào cũng có cái đúng của nó.

Giảng viên hướng dẫn học sinh tìm kiếm chiến lược giải quyết vấn đề: “Mực” và “Bùn” muốn nói đến môi trường xấu (tiêu cực), “Đèn” tượng trưng cho môi trường tốt (tích cực). Có trường hợp sống trong môi trường như thế nào thì sẽ ảnh hưởng đến con người như thế ấy. Tuy nhiên, không phải trường hợp nào cũng như vậy. Môi trường có vai trò rất quan trọng trong sự hình thành và phát triển nhân cách nhưng câu tục ngữ “*Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng*” chưa tính đến yếu tố nào?

Giảng viên theo dõi và giúp đỡ gợi ý cho học sinh giải quyết: con người là chủ thể có ý thức, không phải là vật vô tri, vô giác. Vậy câu tục ngữ “*Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng*” đã tính đến lập trường, quan điểm, năng lực... của cá nhân chưa?

Cuối cùng học sinh phát biểu ý kiến và đi

đến kết luận: Môi trường có vai trò rất quan trọng trong sự hình thành và phát triển nhân cách nhưng tính chất và mức độ ảnh hưởng của môi trường còn tùy thuộc vào lập trường, quan điểm, năng lực... của mỗi cá nhân? Cần chú ý đến tính hai mặt trong sự tác động qua lại giữa nhân cách và môi trường. Quan điểm trong câu tục ngữ “*Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng*” đã chứng minh môi trường như thế nào thì sẽ ảnh hưởng đến con người như thế ấy. Quan điểm trong câu tục ngữ “*Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*” đã chứng minh mặt thứ hai trong sự tác động qua lại giữa nhân cách và môi trường. Con người biết vượt lên hoàn cảnh và có thể cải tạo hoàn cảnh.

4. Vận dụng tình huống có vấn đề trong dạy học môn Tâm lí học – Giáo dục học

Tâm lí học - Giáo dục học là những bộ môn mang tính nghiệp vụ đặc trưng có vai trò đặc biệt trong việc đào tạo giáo viên. Tìm hiểu thực tiễn dạy học các bộ môn này trong các trường sư phạm hiện nay cho thấy:

- Nội dung môn học nặng về lí thuyết, khô khan, thiếu liên hệ thực tiễn xã hội làm cho người học khó khăn trong việc tiếp nhận bài học.

- Phương pháp dạy học còn thiên về

truyền thụ một chiều, người học thụ động tiếp nhận, do đó không tạo được hứng thú đối với môn học. Trong khi các môn Tâm lí học - Giáo dục học lại là những môn cung cấp những tri thức công cụ không thể thiếu được đối với nghề dạy học. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của trường sư phạm là phải trang bị cho sinh viên những hiểu biết về Tâm lí học - Giáo dục học, hình thành cho họ những kỹ năng sư phạm để họ có thể giảng dạy và giáo dục, đồng thời làm cơ sở không ngừng nâng cao năng lực sư phạm. Kiến thức Tâm lí học - Giáo dục học lại là những kiến thức trừu tượng và là những vấn đề mới mẻ với sinh viên. Muốn dạy tốt, học tốt các môn Tâm lí học - Giáo dục học phải vận dụng phương pháp “*Tình huống có vấn đề trong dạy học*” vào quá trình giảng dạy.

Qua khảo sát thực tiễn về các yếu tố thúc đẩy sinh viên học các môn Tâm lí học - Giáo dục học khóa 2014 học kì 1 năm học 2015-2016 ở Trường Đại học Phú Yên đã chứng minh việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của sinh viên và việc vận dụng tình huống có vấn đề trong dạy học các môn Tâm lí học - Giáo dục học là rất hiệu quả (chiếm 48%).

Bảng 1. Các yếu tố thúc đẩy sinh viên học các môn Tâm lí học - Giáo dục học

TT	Khoa Yếu tố	Tự nhiên (124 SV)		Xã hội - Nhân văn (45 SV)		Ngoại ngữ (60 SV)		Chung (229 SV)	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	Môn học có ý nghĩa xã hội và có ý nghĩa với nghề	35	28.2	7	15.5	15	25	57	24.9
2	Phương pháp giảng dạy của giảng viên hấp	55	44.4	25	55.6	30	50	110	48.0

	dẫn, tạo được tình huống kích thích sinh viên tư duy...								
3	Đễ đạt điểm cao	19	15.3	3	6.7	5	8.3	27	11.8
4	Có nhiều tài liệu	10	8.1	7	15.5	6	10	23	10.0
5	Các yếu tố khác	5	4.0	3	6.7	4	6.7	12	5.3

*** Để vận dụng tình huống có vấn đề trong dạy học các môn Tâm lí học – Giáo dục học, trước hết là xây dựng nội dung dạy học**

Nội dung dạy học chịu sự qui định của mục tiêu. Một nội dung dạy học được giảng viên soạn thảo tốt khi nó có được các đặc điểm sau:

- Nội dung dạy học phủ kín mục tiêu học tập: Mục tiêu học tập trực tiếp qui định nội dung dạy học. Nội dung chỉ có thể được coi là có hiệu quả khi nó phù hợp với mục tiêu và phục vụ cho việc thực hiện mục tiêu.

- Nội dung dạy học phải có khả năng phân biệt giữa cái phải biết, cần biết và có thể biết. Bởi lẽ, ngày nay người dạy và người học có thể tiếp xúc với vô số các tài liệu từ nhiều nguồn khác nhau: trên internet, phim ảnh, tivi, đài, sách báo và các tài liệu tham khảo.... Việc này làm cho họ choáng ngợp giữa các tài liệu vì khó xác định đâu là những nội dung quan trọng cần phải nắm. Phân biệt những nội dung **phải biết, cần biết và có thể biết** sẽ giúp cho người học biết tập trung thời gian, công sức vào các nội dung chủ yếu. Mức độ cần thiết cho việc nắm vững mục tiêu dạy học sẽ nói lên tầm quan trọng của mục tiêu. Cái phải biết chính là những nội dung phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện các mục tiêu dạy học.

- Nội dung dạy học phải lấp được các khoảng trống trong nhu cầu đào tạo của sinh viên và nhu cầu đào tạo của nhà

trường. Khi xây dựng nội dung dạy học, giáo viên phải xuất phát từ: mục tiêu đào tạo, mục tiêu môn học, đặc điểm của người học, tình hình thực tiễn của trường...

Ví dụ: với bài “*Người giáo viên chủ nhiệm lớp*” có mục tiêu: “*Làm cho sinh viên làm tốt công tác chủ nhiệm lớp trong đợt thực tập sư phạm*” có thể thực hiện được khi các em làm tốt các nhiệm vụ sau: Nắm được tình hình học sinh, xây dựng được kế hoạch công tác, tiến hành các hoạt động giáo dục, phối hợp các lực lượng giáo dục.... Muốn nắm được tình hình học sinh lại phải biết sử dụng các phương pháp quan sát, thu thập các nguồn thông tin, biết tổ chức hoạt động tập thể.... Nội dung tri thức, kỹ năng, cách thức tiến hành các công việc của người giáo viên chủ nhiệm lớp chính là nội dung dạy học cần phải hình thành cho học sinh.

Vì vậy, khi xác định mục tiêu dạy học, có thể xây dựng nội dung dạy học bằng cách: chia nhỏ mục tiêu thành các nhiệm vụ - chia nhỏ các nhiệm vụ thành các hành động - chia nhỏ các hành động và điều kiện thực hiện chúng.

*** Lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học**

Khi lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học cần căn cứ vào:

- Mỗi quan hệ giữa phương pháp với mục tiêu, nội dung dạy học: Phương pháp dạy học chịu sự quy định của mục tiêu và

nội dung dạy học. Phương pháp là sự thống nhất giữa mục tiêu và nội dung dạy học, là yếu tố đảm bảo cho nội dung và mục tiêu dạy học được thực hiện.

- Mối quan hệ giữa phương pháp dạy học với người dạy: Phương pháp dạy học mang tính chủ quan chịu sự quy định của người sử dụng chúng, vào khả năng nắm vững trình độ sử dụng thành thạo chúng.

- Mối quan hệ giữa phương pháp dạy học với người học: Muốn đạt hiệu quả phương pháp dạy học phải phù hợp với người học, phù hợp với đặc điểm nhận thức và khả năng nhận thức của họ.

- Phương pháp dạy học chịu sự quy định của phương tiện và các điều kiện dạy học khác.

Vì thế khi tiến hành lựa chọn và sử dụng các phương pháp dạy học chúng ta cần phải chú ý đến các yếu tố trên...

* **Đưa sinh viên vào tình huống có vấn đề**

Mở đầu bài dạy bằng cách đưa sinh viên vào tình huống có vấn đề, từ đó giúp sinh viên tiếp thu bài giảng, tiếp thu kiến thức và giải đáp vấn đề học tập. Chẳng hạn để giảng bài "*Tâm lí học là một khoa học*" như sau: Chúng ta đã biết câu "*Sông sâu còn có kẻ dò, lòng người ai dễ mà đo cho tường*", hoặc "*Ở sao cho vừa lòng người, ở rộng người cười, ở hẹp người chê*"; Vậy "*Lòng người*" ở đây được hiểu như thế nào cho đúng, cho đầy đủ? Thực chất "*Lòng người*" là gì, có quy luật về "*Lòng người*" hay không và làm thế nào để đo được, hiểu được và làm vừa "*Lòng người*".... Tiếp đến, cho một vài sinh viên phát biểu ý kiến về các quan điểm trên, sau đó gợi ý sinh viên muốn giải quyết vấn đề trên cần học bài "*Tâm lí học là một khoa học*"... hoặc "*Vượt 10 con sông, 3 ngọn núi và 4 ngọn đèo*" có phải là thành tích thể thao hay một loại xe cơ giới hiện đại mới được phát

minh?. Sau khi cho một vài sinh viên phát biểu giảng viên chốt lại: *Đó chính là sức mạnh của tình cảm của con người*. Muốn biết rõ vấn đề trên cần học bài "*Tình cảm*"....

* **Trình bày nội dung bài giảng**

- Ghi dàn bài lên bảng, dựa vào đó mà giảng giải một cách có hệ thống.

- Giảng viên giảng bài, mở rộng kiến thức, vốn hiểu biết của học sinh bằng cách so sánh, đối chiếu các sự kiện, chỉ rõ mâu thuẫn giữa lí luận và thực tiễn của nội dung.

- Kết hợp diễn giảng thông báo với diễn giảng nêu vấn đề.

- Biện pháp tích cực nhất là kiểu nêu một nghịch lí, chẳng hạn khi nói đến ảnh hưởng của hoàn cảnh, môi trường đến sự phát triển nhân cách có thể nêu hai vấn đề có tính chất đối lập.

- Biện pháp thứ hai là diễn giảng ngắt quãng xen vào một câu hỏi nêu vấn đề.

- Biện pháp thứ ba là kết hợp diễn giảng với đàm thoại tranh luận khoảng 7-10 phút.

- Biện pháp thứ tư là kết hợp diễn giảng với trình bày trực quan và luyện tập ngay trên lớp.

Trong quá trình dạy học giảng viên nên kết hợp với các phương tiện nghe, nhìn, các sơ đồ, biểu đồ, tranh ảnh, máy chiếu, máy ghi âm...

Kết thúc bài dạy giảng viên trình bày tóm tắt bài dạy giúp sinh viên nhìn lại bức tranh toàn cảnh một cách tóm lược nhưng đầy đủ ý chính của bài giảng và nhấn mạnh những điểm quan trọng nổi bật...

Cũng có thể dành vài phút để đặt câu hỏi khái quát để sinh viên nhớ lại những điều đã học theo một hệ thống chặt chẽ.

Cũng có thể yêu cầu sinh viên trình bày sơ đồ phân nhánh thống kê, phân nhánh logic để tóm tắt bài giảng...

Giảng viên có thể nêu các câu hỏi tóm tắt bài vừa học, để cập nhật những vấn đề

có liên quan sẽ giải quyết trong bài giảng sau để sinh viên suy nghĩ và trả lời trong bài sau...

Để khẳng định kết quả nghiên cứu chúng tôi đã chọn ngẫu nhiên 123 sinh viên lớp DC14STO chia làm 2 nhóm: nhóm đối chứng DC14STO01, 59 sinh viên (SV); nhóm thử nghiệm DC14STO02, 64 SV. Kết

quả học tập bài kiểm tra lần 1 môn “*Giáo dục học 1*” của 2 nhóm tương đương nhau, nhóm đối chứng vẫn giảng dạy bằng phương pháp truyền thống; Nhóm thử nghiệm giảng dạy có vận dụng tình huống có vấn đề vào quá trình dạy học.

Sau quá trình thử nghiệm chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 2. Kết quả học tập của sinh viên 2 nhóm đối chứng và thử nghiệm

Stt	Nhóm Lần đo Loại điểm	Đối chứng (59 SV) DC14STO01				Thử nghiệm (64SV) DC14STO02			
		Trước thử nghiệm		Sau thử nghiệm		Trước thử nghiệm		Sau thử nghiệm	
		SV	%	SV	%	SV	%	SV	%
1	Giỏi (9 -10 điểm)	0	0	0	0	0	0	2	3.2
2	Khá (7 – 8 điểm)	34	57.6	37	62.7	36	56.3	47	73.4
3	Trung bình (5 – 6 điểm)	25	42.4	22	37.3	28	43.7	15	23.4
4	Yếu – kém (1 – 4 điểm)	0	0	0	0	0	0	0	0

Qua bảng 2 cho chúng ta thấy sau khi vận dụng tình huống có vấn đề trong dạy học các môn Tâm lí học - Giáo dục học, tỉ lệ sinh viên đạt loại khá tăng lên rõ rệt từ 56,3% lên 73,4%; Xuất hiện điểm giỏi chiếm 3,2%.

Tóm lại, để tích cực hóa hoạt động học tập của sinh viên đại học, giảng viên cần nghiên cứu vận dụng phương pháp “*Tình huống có vấn đề trong dạy học*” vào quá trình giảng dạy một cách sáng tạo. Nếu vận dụng một cách linh hoạt, đồng thời kết hợp sử dụng các phương pháp tổ chức dạy học đa dạng, phù hợp với trình độ nhận thức và tâm lí của sinh viên, cũng như chú ý đến các phương tiện kỹ thuật và quỹ thời gian cho phép của chương trình môn học, chắc chắn chất lượng bài giảng sẽ được nâng

cao. Điều quan trọng là cần kết hợp diễn giảng với phương pháp dạy học nêu vấn đề, tọa đàm, thảo luận và các bài tập thực hành khác. Như vậy, chất lượng bài giảng phụ thuộc vào phong cách, kỹ thuật, nghệ thuật trình bày của giảng viên nhằm kích thích hứng thú sinh viên theo phương châm: “*Học cho sâu, hỏi cho kỹ, suy nghĩ cho cẩn thận, phân biệt cho sáng suốt, làm việc cho hết lòng*”

5. Kết luận

Xây dựng tình huống có vấn đề trong dạy học nói chung và trong dạy học Tâm lí học - Giáo dục học nói riêng là rất quan trọng và có ý nghĩa thiết thực, nó góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy và học tập của người dạy và người học. Khi nói đến các phương pháp dạy học tích cực

không thể không nói đến phương pháp dạy học nêu vấn đề cùng các phương pháp tự học, làm bài tập sáng tạo... Việc xây dựng tình huống có vấn đề trong dạy học là cách thức quan trọng nhằm nâng cao trình độ tư duy, phát triển tính độc lập nhận thức cho người học, đòi hỏi người dạy phải không ngừng học hỏi, nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để gây được cảm

xúc và ngạc nhiên cho người học, từ đó tạo cảm giác hưng phấn hứng thú học tập cho người học, làm cho tiết học trở nên sinh động. Như vậy có thể khẳng định rằng phương pháp “*Tình huống có vấn đề trong dạy học*” cùng các phương pháp dạy học tích cực khác sẽ góp phần đổi mới phương pháp dạy học các môn Tâm lí học – Giáo dục học □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Ngọc Bảo (2000), *Hoạt động dạy học ở trường phổ thông trung học cơ sở* - Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Phạm Minh Hạc (1982), *Nhập môn tâm lí học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Trần Trọng Thủy (chủ biên), Nguyễn Quang Uẩn (2004), *Tâm lí học đại cương* – Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Thái Duy Tuyên (2004), *Những vấn đề chung của giáo dục học*, Nxb. Đại học sư phạm.
- [5] V. Ôkôn (1976), *Những cơ sở của dạy học nêu vấn đề*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

Abstract

Using problematic situations in teaching and learning the subject of psychology - education

The nature of a classroom problematic situation involves taking students into problematic situations and help them find a variety of solutions to them. In the curriculum of teachers training colleges, psychology and education are typical professional subjects which play a key role in teachers training. The article provides an overview of problematic situations and how to use them in teaching and learning psychology - education aiming at promoting the quality and effectiveness in training the prospective teaching staff.

Keywords: *problematic situations, psychology, education*